# DANH SÁCH

**Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số xã Na Sầm**

*(Kèm theo Quyết định số: 1951/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Na Sầm)*

| TT | Họ tên người có uy tín | Số lượng người có uy tín | Giới tính/ giới tính | | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ Văn hóa chuyên môn | Thành phần người có uy tín | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Già làng, Trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng | Chức sắc, chức việc , nhà tu hành | Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu | Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận, Tổ trưởng tổ ANTT, thôn đội trưởng | Nhân sĩ, trí thức, doanh nhân trẻ, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên người DTTS | Đảng viên | Thành phần khác | |
| | **Tổng cộng** | **14** | **11** | **3** | | | | **-** | **-** | **7** | **2** | **0** | **9** | **5** | |
| 1 | Trần Thị Sầm | 1 | | 1945 | Kinh | Thôn 1 | TC | | | x | | | x | | |
| 2 | Nguyễn Thị Hạnh | 1 | | 1955 | Tày | Thôn 2 | TC | | | x | | | x | | |
| 3 | Lưu Ngọc Luyện | 1 | 1945 | | Tày | Thôn 3 | TC | | | x | | | x | | |
| 4 | Hà Văn Mão | 1 | 1964 | | Nùng | Thôn 4 | TC | | | x | | | x | | |
| 5 | Triệu Văn Tiến | 1 | 1960 | | Nùng | Thôn Đoàn Kết | 7/10 | | | | | | | x | |
| 6 | Hà Thị Lê | 1 | | 1961 | | Thôn Đồng Tiến | 10/10 | | | x | | | | | |
| 7 | Đinh Văn Ngôn | 1 | 1959 | | Nam | Thôn Lũng Vài | ĐH | | | x | | | x | | |
| 8 | Nông Văn Hản | 1 | 1955 | | Nùng | Thôn Tân Việt | 7/10 | | | | | | | x | |
| 9 | Lương Văn Xuyên | 1 | 1963 | | Tày | Thôn An Hùng | TC | | | x | | | x | | |
| 10 | Lương Văn Trường | 1 | 1963 | | Tày | Thôn Đồng Tân | 7/10 | | | | | | x | x | |
| 11 | Hoàng Văn Khê | 1 | 1952 | | Tày | Thôn Thống Nhất | 9/10 | | | | | | | x | |
| 12 | Hoàng Văn Hưng | 1 | 1979 | | Tày | Thôn Hoàng Việt | 9/12 | | | | x | | x | | |
| 13 | Nguyễn Văn Yên | 1 | 1980 | | Tày | Thôn Hòa Bình | 9/12 | | | | x | | x | | |
| 14 | Phùng Văn Bình | 1 | 1968 | | Nùng | Thôn Khun Pinh | 7/10 | | | | | | | x | |